

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 118/2024/LĐ-PT

Ngày: 24/12/2024

V/v Tranh chấp tiền lương, tranh  
chấp về trường hợp bị đơn phương  
chấm dứt hợp đồng lao động.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Tài

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Bà Doãn Thị Kim Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Tâm Thảo, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuần – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 88/2024/TLPT-LĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp tiền lương, tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”.

Do bản án lao động sơ thẩm số 27/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6229/2024/QĐPT-LĐ ngày 28 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông **Vũ Ngọc N**, sinh năm 1974, Địa chỉ: Số A đường Q, Phường H, quận G, Thành phố H.

**- Bị đơn:** Công ty Cổ phần D; Địa chỉ trụ sở: B Đường số B, H, phường T, Quận G, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Huỳnh Thanh H**.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà **Đỗ Bùi Bảo N1**, sinh năm 1999; Địa chỉ: C Đường số D, Phường N, quận G, Thành phố H. (theo Giấy ủy quyền lập ngày 23/12/2024)

**- Người kháng cáo:** Ông **Vũ Ngọc N**, là nguyên đơn.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

*Theo Đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn ông Vũ Ngọc N trình bày:*

Ông Vũ Ngọc N được tuyển dụng vào làm tại Công ty Cổ phần D theo hợp đồng lao động 3 tháng (thỏa thuận qua email) từ ngày 24/4/2024 đến 24/7/2024. Với chức danh kế toán, mức lương 28.000.000 đồng/tháng. Lúc 08 giờ 56 phút ngày 27/4/2024, ông Vũ Ngọc N đã gửi cho ông Huỳnh Thanh H bảng hợp đồng lao động 3 tháng qua hình thức điện tử, do trước đó khi ông Vũ Ngọc N gặp lần đầu tiên hai bên đã thỏa thuận mức lương và công việc phải làm. Sau đó ông Huỳnh Thanh H đã yêu cầu ông Vũ Ngọc N lập hợp đồng và gửi qua email cho ông Huỳnh Thanh H và ông Vũ Ngọc N đã gửi qua email thông tin như hai bên đã thỏa thuận cho ông Huỳnh Thanh H và ông Huỳnh Thanh H đã nhận mail (biểu tượng hình trái tim trong mail) và sau đó ông Huỳnh Thanh H đã phúc đáp lại bằng cách hướng dẫn hướng đi làm song song cho Công ty R và Công ty V. Hai công ty này là khách hàng của Công ty D. Nên từ đó Công ty cung cấp cho ông Vũ Ngọc N các thông tin để liên hệ bên Công ty R lấy thông tin đăng nhập vào dữ liệu khách hàng Công ty R trước và ông Vũ Ngọc N đã dựa vào hợp đồng này để làm việc với Công ty. Do trong Bộ luật Lao động năm 2019 có quy định Hợp đồng lao động được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản. Nên hợp đồng giữa ông Vũ Ngọc N và Công ty Cổ phần D đã được giao kết hợp lệ. Nay ông Vũ Ngọc N làm đơn này, yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Yêu cầu Công ty Cổ phần D thực hiện hợp đồng đã ký với ông Vũ Ngọc N, nhận ông Vũ Ngọc N vào làm việc và phải bồi thường tiền lương cho ông Vũ Ngọc N hai tháng do Công ty đơn phương hủy ngang hợp đồng làm việc trái luật (theo Điều 41 Bộ luật Lao động 2019, cụ thể số tiền là 2 tháng x 28.000.000 đồng = 56.000.000 đồng.

2. Thanh toán tiền lương khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 3/5/2024 là 8 ngày công ông Vũ Ngọc N đã làm là  $28.000.000/26 \times 8 = 8.615.000$  đồng.

3. Thanh toán tiền lương khoảng thời gian hợp đồng bị gián đoạn do Công ty Cổ phần D yêu cầu ông Vũ Ngọc N ngưng không có lý do chính đáng dự kiến từ 4/5/2024 đến 24/7/2024 là 2 tháng 18 ngày = 2 tháng x 28.000.000 +  $28.000.000/26 \times 18$  ngày = 75.384.000 đồng.

4. Công ty Cổ phần D phải đóng, chốt và trả sổ bảo hiểm cho ông Vũ Ngọc N trong 3 tháng theo hợp đồng lao động (tháng 5, 6, 7/2024) theo thời gian pháp luật bảo hiểm quy định là vào ngày 27/8/2024.

5. Nếu Công ty Cổ phần D không đóng và trả sổ bảo hiểm cho ông Vũ Ngọc N theo quy định, thì những khoản bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội, Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho ông Vũ Ngọc N thay cho cơ quan bảo hiểm (do

hiện nay ông Vũ Ngọc N có tổng số thời gian đóng bảo hiểm đang bảo lưu là 10 tháng, nếu cộng thêm thời gian tham gia bảo hiểm 3 tháng tại Công ty D thì ông Vũ Ngọc N đủ chế độ hưởng bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội), cụ thể số tiền:

- Bảo hiểm thất nghiệp =  $(9.700.000 \times 3 + 28.000.000 \times 3) / 6 \times 60\% \times 3 \text{ tháng} = 33.930.000 \text{ đồng}$ .

- Bảo hiểm xã hội =  $28.000.000 \times 3 \text{ tháng} \times 22\% = 18.480.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền bảo hiểm Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N =  $18.480.000 + 33.930.000 = 52.410.000 \text{ đồng}$ .

Vậy tổng số tiền Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N là:  $56.000.000 + 8.615.000 + 75.384.000 + 52.410.000 = 192.409.000 \text{ đồng}$ .

Tiền lãi của khoản tiền lương từ 24/4/2024 đến 4/5/2024 là 8.615.000 đồng theo lẽ Công ty phải trả vào ngày 10/5/2024; Khoản tiền bồi thường 2 tháng lương khi Công ty nhận ông Vũ Ngọc N lại làm việc là 56.000.000 đồng, dự kiến Công ty phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày cuối của hợp đồng (tức ngày 27/7/2024); Khoản tiền những ngày ngưng việc là 75.384.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày 10/8/2024; Khoản tiền bảo hiểm là 52.410.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N là 27/8/2024.

Nếu Công ty vi phạm thời gian trên, ông Vũ Ngọc N yêu cầu được tính theo lãi suất trả chậm (4%/tháng) + lãi suất phạt (4%/tháng) theo quy định vay tín chấp của các ngân hàng thương mại hiện nay. Dự kiến Công ty sẽ trả cho ông Vũ Ngọc N khi phiên tòa được xét xử, dự kiến là ngày 31/10/2024.

Thì số tiền lãi sẽ như sau: Tiền lương  $8.615.000 \times 8\%/\text{tháng} \times 6 \text{ tháng} = 4.135.000 \text{ đồng}$ ; Tiền bồi thường 2 tháng lương  $56.000.000 \times 8\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng} = 13.440.000 \text{ đồng}$ ; Khoản tiền ngưng việc  $75.384.000 \times 8\%/\text{tháng} \times 2 \text{ tháng} = 12.061.000 \text{ đồng}$ ; Khoản tiền bảo hiểm  $52.410.000 \times 8\%/\text{tháng} \times 2 \text{ tháng} = 8.385.000 \text{ đồng}$ .

Tổng tiền lãi Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N là 38.021.000 đồng.

Tổng số tiền mà Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N là  $192.409.000 + 38.021.000 = 230.430.000 \text{ đồng}$ .

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Vũ Ngọc N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán cho ông N số tiền 9.999.000 đồng cho những ngày thực tế làm việc trong khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 3/5/2024 là 8 ngày cụ thể như sau: Do Công ty Cổ phần D không thỏa thuận lương với ông Vũ Ngọc N nên mức lương Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N tương đương với mức lương của ông Vũ Ngọc N ở các công ty khác trong thời gian gần nhất 30.000.000 đồng/tháng là  $30.000.000 \text{ đồng} / 26 \text{ ngày} \times 8 \text{ ngày} = 9.230.000 \text{ đồng}$ ; tiền lãi phát sinh (lãi suất 20%/năm) =  $9.230.000 \text{ đồng} \times 20\%/12$

\* 5 tháng = 769.000 đồng. Tổng cộng là 9.230.000 đồng + 769.000 đồng = 9.999.000 đồng.

*Bị đơn Công ty Cổ phần D trình bày:*

Công ty Cổ phần D chưa hề tuyển dụng, không giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng thử việc với ông Vũ Ngọc N. Công ty Cổ phần D khẳng định toàn bộ sự việc do ông Vũ Ngọc N tự tạo dựng và nội dung giống vụ tổng tiền Công ty Cổ phần D. Đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc N. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

*Tại Bản án lao động sơ thẩm số 27/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:*

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18 của Bộ luật Lao động 2019; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc N về việc:

1.1 Yêu cầu Công ty Cổ phần D thực hiện hợp đồng đã ký với ông Vũ Ngọc N, nhận ông Vũ Ngọc N vào làm việc và phải bồi thường tiền lương cho ông Vũ Ngọc N hai tháng do Công ty D hủy ngang hợp đồng làm việc trái luật theo Điều 41 Bộ luật Lao động số 45/2019, cụ thể số tiền là 02 tháng x 28.000.000 đồng = 56.000.000 đồng.

1.2. Yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lương khoảng thời gian hợp đồng bị gián đoạn do Công ty Cổ phần D yêu cầu ông Vũ Ngọc N ngưng không có lý do chính đáng dự kiến từ 4/5/2024 đến 24/7/2024 là 02 tháng 18 ngày = 02 tháng x 28.000.000 + 28.000.000/26 x 18 ngày = 75.384.000 đồng.

1.3 Yêu cầu Công ty Cổ phần D phải đóng, chốt và trả sổ bảo hiểm cho ông Vũ Ngọc N trong 03 tháng theo hợp đồng lao động (tháng 5, 6, 7/2024) theo thời gian pháp luật bảo hiểm quy định là vào ngày 27/8/2024.

1.4 Yêu cầu Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho ông Vũ Ngọc N thay cho cơ quan bảo hiểm (do hiện nay ông Vũ Ngọc N có tổng số thời gian đóng bảo hiểm đang bảo lưu là 10 tháng, nếu cộng thêm thời gian tham gia bảo hiểm 03 tháng tại Công ty D thì ông Vũ Ngọc N đủ chế độ hưởng bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội), cụ thể số tiền: Bảo hiểm thất nghiệp =  $(9.700.000 \times 3 + 28.000.000 \times 3) / 6 \times 60\% \times 3 \text{ tháng} = 33.930.000 \text{ đồng}$ . Bảo hiểm xã hội =  $28.000.000 \times 3 \text{ tháng} \times 22\% = 18.480.000 \text{ đồng}$ .

1.5 Yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lãi của khoản tiền lương từ 24/4/2024 đến 4/5/2024 là 8.615.000 đồng theo lẽ Công ty phải trả vào ngày 10/5/2024; Khoản tiền bồi thường 2 tháng lương khi Công ty nhận ông Vũ Ngọc N

lại làm việc là 56.000.000 đồng, dự kiến Công ty phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày cuối của hợp đồng (tức ngày 27/7/2024); Khoản tiền những ngày ngưng việc là 75.384.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày 10/8/2024; Khoản tiền bảo hiểm là 52.410.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N là 27/8/2024 theo lãi suất trả chậm (4%/tháng) + lãi suất phạt (4%/tháng) theo quy định vay tín chấp của các ngân hàng thương mại hiện nay. Dự kiến Công ty sẽ trả cho ông Vũ Ngọc N khi phiên toà được xét xử, dự kiến là ngày 31/10/2024. Tổng tiền lãi Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N là = 38.021.000 đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc N về việc buộc Công ty Cổ phần D thanh toán cho ông N số tiền 9.999.000 đồng cho những ngày thực tế làm việc khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 03/5/2024.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và quy định về thi hành án cho các bên đương sự.

Ngày 08/10/2024, nguyên đơn ông Vũ Ngọc N nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

### ***Tại phiên tòa phúc thẩm:***

*Người kháng cáo, nguyên đơn ông Vũ Ngọc N trình bày:* Nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đối với nội dung Cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc Công ty Cổ phần D thanh toán cho ông N số tiền 9.999.000 đồng cho những ngày thực tế làm việc khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 03/5/2024. Nguyên đơn không kháng cáo đối với phần nội dung Cấp sơ thẩm đình chỉ một phần các yêu cầu của nguyên đơn tại phiên tòa sơ thẩm. Về quá trình thỏa thuận giao kết hợp đồng, ngay từ khi hai bên gặp mặt nhau, bị đơn đã yêu cầu ông làm việc cho bị đơn từ ngày 24/4/2024. Ông H đã cung cấp các thông tin liên quan đến hai công ty mà bị đơn làm dịch vụ cho nguyên đơn để nguyên đơn thực hiện công việc của mình. Ông xác định vào ngày 27/4/2024, ông đã gửi file Hợp đồng lao động cho ông H qua tin nhắn Zalo. Công ty D đã yêu cầu ông làm việc nhưng không chịu ký hợp đồng lao động, không chịu trả lương cho người lao động là lừa đảo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

*Bị đơn Công ty Cổ phần D có bà Đỗ Bùi Bảo NI đại diện theo ủy quyền trình bày:* Công ty xác nhận là ông Huỳnh Thanh H đại diện theo pháp luật của Công ty có nhắn tin trao đổi với ông Vũ Ngọc N như tài liệu là các tin nhắn do ông N đã cung cấp cho Tòa án cấp sơ thẩm. Tuy nhiên nội dung tin nhắn không đúng như ông N trình bày, đây chỉ là trao đổi công việc mà ông N sẽ làm khi giao kết hợp đồng lao động. Tuy nhiên sau đó do hai bên không thể thỏa thuận được nên Công ty không có ký kết hợp đồng lao động với ông Vũ Ngọc N. Ông N không có đến Công ty để làm việc như ông N đã trình bày. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

Về hình thức: Đơn kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định nên được chấp nhận hợp lệ. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, sau khi phân tích những tình tiết có liên quan đến vụ án, trên cơ sở Bộ luật Lao động, xét thấy: Cấp sơ thẩm xét xử đình chỉ và không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của nguyên đơn nằm trong hạn luật định phù hợp khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp tiền lương, tranh chấp về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động” và xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.3] Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ lao động:

Xét tài liệu chứng cứ là Hợp đồng lao động ngày 24/4/2024 do nguyên đơn cung cấp không có chữ ký của người lao động và người sử dụng lao động. Theo trình bày của ông Vũ Ngọc N và Công ty Cổ phần D thì hợp đồng lao động này do ông Vũ Ngọc N tự soạn và gửi file qua Zalo cho ông Huỳnh Thanh H vào ngày 27/4/2024 và ông Huỳnh Thanh H chỉ ấn biểu tượng hình trái tim trên file. Ông Vũ Ngọc N xác nhận Công ty Cổ phần D chưa ký hợp đồng lao động với ông và không có phản hồi cụ thể, chỉ thấy ông Huỳnh Thanh H ấn biểu tượng trái tim. Còn bị đơn Công ty Cổ phần D xác định chưa từng tiếp nhận và giao công việc, ký kết hợp đồng lao động với ông Vũ Ngọc N. Do nguyên đơn ông Vũ Ngọc N không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh giữa ông Vũ Ngọc N và Công ty Cổ phần D có quan hệ lao động. Tin nhắn trao đổi giữa nguyên đơn và bị đơn chỉ mang tính chất trao đổi nội dung hợp đồng lao động mà nguyên đơn đề nghị thỏa

thuận, bị đơn trao đổi về công việc mà nguyên đơn sẽ làm, nội dung tin nhắn không thể hiện các bên thỏa thuận thống nhất giao kết hợp đồng lao động. Cấp sơ thẩm nhận định không có cơ sở để xác định Công ty Cổ phần D đã giao kết hợp đồng với ông Vũ Ngọc N để nhận ông Vũ Ngọc N vào làm việc là đúng.

[2.2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã rút một phần yêu cầu khởi kiện của mình, chỉ còn lại yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lương của 8 ngày làm việc còn thiếu, Cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết các yêu cầu khởi kiện được rút là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán cho ông Vũ Ngọc N số tiền 9.999.000 đồng cho những ngày thực tế làm việc khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 3/5/2024 là 8 ngày công: Do giữa các bên đương sự không xác lập quan hệ lao động, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nguyên đơn đã làm việc cho bị đơn từ ngày 24/4/2024 đến ngày 03/5/2024 nên Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Án phí lao động sơ thẩm: Cấp sơ thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xác định nguyên đơn được miễn nộp tiền án phí lao động sơ thẩm là đúng quy định.

[5] Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo, nguyên đơn không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Vũ Ngọc N, giữ nguyên bản án lao động sơ thẩm số 27/2024/LĐ-ST ngày 17 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ Điểm a khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 18 của Bộ luật Lao động 2019; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc N về việc:

1.1 Yêu cầu Công ty Cổ phần D thực hiện hợp đồng đã ký với ông Vũ Ngọc N, nhận ông Vũ Ngọc N vào làm việc và phải bồi thường tiền lương cho ông Vũ Ngọc N hai tháng do Công ty đơn phương hủy ngang hợp đồng làm việc trái luật (theo Điều 41 Bộ luật Lao động 2019), cụ thể số tiền là 2 tháng x 28.000.000 đồng = 56.000.000 đồng.

1.2. Yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lương khoảng thời gian hợp đồng bị gián đoạn do Công ty Cổ phần D yêu cầu ông Vũ Ngọc N ngưng không có lý do chính đáng dự kiến từ 4/5/2024 đến 24/7/2024 là 2 tháng 18 ngày = 2 tháng x 28.000.000 + 28.000.000/26 x 18 ngày = 75.384.000 đồng.

1.3 Yêu cầu Công ty Cổ phần D phải đóng, chốt và trả sổ bảo hiểm cho ông Vũ Ngọc N trong 03 tháng theo hợp đồng lao động (tháng 5, 6, 7/2024) theo thời gian pháp luật bảo hiểm quy định là vào ngày 27/8/2024.

1.4 Yêu cầu Công ty Cổ phần D phải thanh toán cho ông Vũ Ngọc N thay cho cơ quan bảo hiểm (do hiện nay ông Vũ Ngọc N có tổng số thời gian đóng bảo hiểm đang bảo lưu là 10 tháng, nếu cộng thêm thời gian tham gia bảo hiểm 03 tháng tại Công ty D thì ông Vũ Ngọc N đủ chế độ hưởng bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm xã hội), cụ thể số tiền: Bảo hiểm thất nghiệp =  $(9.700.000 \times 3 + 28.000.000 \times 3) / 6 \times 60\% \times 3 \text{ tháng} = 33.930.000 \text{ đồng}$ . Bảo hiểm xã hội =  $28.000.000 \times 3 \text{ tháng} \times 22\% = 18.480.000 \text{ đồng}$ .

1.5 Yêu cầu Công ty Cổ phần D thanh toán tiền lãi của khoảng tiền lương từ 24/4/2024 đến 4/5/2024 là 8.615.000 đồng theo lẽ Công ty phải trả vào ngày 10/5/2024; Khoản tiền bồi thường 2 tháng lương khi Công ty nhận ông Vũ Ngọc N lại làm việc là 56.000.000 đồng, dự kiến Công ty phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày cuối của hợp đồng (tức ngày 27/7/2024); Khoản tiền những ngày ngưng việc là 75.384.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N vào ngày 10/8/2024; Khoản tiền bảo hiểm là 52.410.000 đồng Công ty dự kiến phải trả cho ông Vũ Ngọc N là ngày 27/8/2024 theo lãi suất trả chậm (4%/tháng) + lãi suất phạt (4%/tháng) theo quy định vay tín chấp của các ngân hàng thương mại hiện nay. Dự kiến Công ty sẽ trả cho ông Vũ Ngọc N khi phiên toà được xét xử, dự kiến là ngày 31/10/2024. Tổng tiền lãi Công ty Cổ phần D phải trả cho ông Vũ Ngọc N là = 38.021.000 đồng.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Ngọc N về việc buộc Công ty Cổ phần D thanh toán cho ông N số tiền 9.999.000 đồng cho những ngày thực tế làm việc khoảng thời gian từ 24/4/2024 đến 3/5/2024.

3. Về án phí lao động sơ thẩm: Ông Vũ Ngọc N không phải chịu án phí lao động sơ thẩm do được miễn án phí.

4. Về án phí lao động phúc thẩm: Người kháng cáo - nguyên đơn ông Vũ Ngọc N không phải chịu án phí lao động phúc thẩm do được miễn án phí theo quy

định tại điểm a khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Ngọc Tài**